

Bản án số: **211/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 - 5 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hạnh;
2. Ông Nguyễn Minh Tú;

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 10/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HPT ngày 25/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn E, xã R, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Tuấn W, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 21 ngõ 205/174 T, tổ dân phố Y, phường T, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong các lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Q và anh Đỗ Tuấn W xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND phường T, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội ngày 06/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị ở tại địa chỉ số 21 ngõ

205/175 tổ dân phố Y, phường T, quận Bắc Từ Liêm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ngoài ra còn mâu thuẫn giữa mẹ chồng với con dâu, mẹ chồng chì nhiều lần xúc phạm chị, chồng chị là người không có chính kiến nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị cùng con gái là Đỗ Thu O đã về quê ngoại ở tỉnh Hà Tĩnh sinh sống từ tháng 02/2022, vợ chồng chị ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh W, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh W.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đỗ Tuấn I, sinh ngày 15/6/2015 và cháu Đỗ Thu O, sinh ngày 02/11/2011. Khi ly hôn, chị sẽ nuôi cháu O còn anh W nuôi cháu I, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện chị đang làm việc tại Siêu thị Vinmart, thu nhập khoảng 05 triệu đồng/tháng. Nhà ở, chị ở cùng với bố mẹ chị tại tỉnh Hà Tĩnh.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Đỗ Tuấn W được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết nên không có ý kiến.*

** Tòa án xác minh tại địa phương cung cấp:* Quá trình chung sống tại địa phương, chị Nguyễn Thị Q và anh Đỗ Tuấn W có mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được vì không hòa giải qua tổ dân phố. Chị Q đã về quê ngoại ở tỉnh Hà Tĩnh sinh sống, không sống cùng với anh W từ tháng 02/2022 cho đến nay.

Ý kiến của cháu Đỗ Tuấn I: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố là Đỗ Tuấn W.

Tại phiên tòa, chị Q có ý kiến:

- Chị Q giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh W. Về con chung: chị và anh W có 02 con chung là cháu Đỗ Tuấn I, sinh ngày 15/6/2015 và cháu Đỗ Thu O, sinh ngày 02/11/2011. Khi ly hôn, chị sẽ nuôi cháu O còn anh W nuôi cháu I, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Đỗ Tuấn W đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt trong quá trình tố tụng, không chấp hành nghĩa vụ tố tụng đồng thời từ chối các quyền tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá về tình cảm, mức độ mâu thuẫn của hai vợ chồng; về thu nhập của hai vợ chồng, về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Đỗ Tuấn W.

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ Tuấn I, sinh ngày 15/6/2015 cho anh Đỗ Tuấn W trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ Thu O, sinh ngày 02/11/2011 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh chị có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Q và anh Đỗ Tuấn W kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại trụ sở UBND phường T, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội ngày 06/4/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp. Hiện anh W đăng ký thường trú và sinh sống tại phường T, quận Bắc Từ Liêm. Chị Q đơn phương xin ly hôn anh W, yêu cầu của chị Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, đúng quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn là anh Đỗ Tuấn W đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh W.

[2] Về quan hệ tranh chấp

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn giữa mẹ chồng với con dâu, chồng chị là người không có chính kiến. Xác minh tại địa phương cho thấy, chị Q và anh W có mâu thuẫn, chị Q đã về nhà mẹ đẻ tại tỉnh Hà Tĩnh sinh sống, không sống cùng anh W, vợ chồng ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh W đến Tòa án để làm việc nhưng anh W đều vắng mặt không lý do, anh cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng chị Q và anh W sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Q yêu cầu được ly hôn anh W là chính

đáng. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Đỗ Tuấn W có 02 con chung là cháu Đỗ Tuấn I, sinh ngày 15/6/2015 và cháu Đỗ Thu O, sinh ngày 02/11/2011. Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng nuôi cháu O còn anh W nuôi cháu I. Cháu I có nguyện vọng ở với anh W. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi xuất phát từ quyền lợi của các cháu. Cháu I có nguyện vọng ở với bố và hiện anh W đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu I. Cháu O đang còn nhỏ, là bé gái hiện đang sống cùng với chị Q, cháu cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, vì vậy Tòa án sẽ giao cháu I cho anh W trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu O cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời cũng đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên chị Q và anh W không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

- *Về tài sản chung, công sức, nợ chung*: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra Tòa án không giải quyết gì khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Q và anh Đỗ Tuấn W có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36; Điều 39, các Điều 146, 147, 227, 262, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q yêu cầu được ly hôn anh Đỗ Tuấn W.

Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Đỗ Tuấn W.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Đỗ Tuấn W có 02 con chung là cháu Đỗ Tuấn I, sinh ngày 15/6/2015 và cháu Đỗ Thu O, sinh ngày 02/11/2011. Giao cháu Đỗ Tuấn I cho anh Đỗ Tuấn W trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ Thu O cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Đỗ Tuấn W không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị Q và anh Đỗ Tuấn W được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai số 0021282 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Chị Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đỗ Tuấn W có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm,
- VKSNDTP Hà Nội;
- Cơ quan THADS quận Bắc Từ Liêm;
- UBND phường T,
quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hòa